

Tìm hiểu nghệ thuật đặc sắc trong tập thơ đi sứ *Chu Nguyên tạp vịnh thảo* của Lý Văn Phục phục vụ giảng dạy Văn học trung đại ở trường đại học

Đỗ Thị Mai Hương

TS. Khoa Ngữ văn - KHXH, Trường Đại học Hải Phòng

Received: 16/4/2024; Accepted: 19/4/2024; Published: 22/4/2024

Abstract: Placed in Ly Van Phuc's system of envoy poetry, *Chu Nguyen Tap Vinh Thao* is a poetic work with less of a diary or memoir nature, with bold characteristics and appearance of a literary work. Furthermore, the collection of poems was composed during the last embassy trip of Ly Van Phuc (a mandarin who specialized in envoys under the Nguyen Dynasty), so the content and art have many differences and have a relatively special role. In terms of art, the work is valuable in its diversity of talent, richness in language system, flexible and erudite use of classics. In this article, we have conducted statistics, analyzed and evaluated those artistic features to highlight the characteristics of the Nguyen Dynasty's envoy poetry in general and the unique characteristics of Ly Van Phuc's envoy poetry in particular.

Keywords: Ly Van Phuc, *Chu Nguyen tạp vịnh thảo*, artistic value

1. Đặt vấn đề

Lý Văn Phục 李文馥 (1785-1849) là vị quan ngoại giao xuất sắc của triều Nguyễn. Nằm trong dòng thơ đi sứ trung đại, *Chu Nguyên tạp vịnh thảo* vừa mang đặc điểm thơ của Lý Văn Phục (LVP) vừa mang đặc trưng của thơ đi sứ trung đại. Đây cũng là tập thơ kết thúc xuất sắc hành trình vạn dặm trong cuộc đời làm quan, đi sứ, làm thơ của ông. Vì vậy, tìm hiểu, phân tích một cách đầy đủ, chính xác về giá trị nghệ thuật của tập thơ này sẽ giúp chúng ta đánh giá được đầy đủ hơn diện mạo nghệ thuật thơ văn của LVP, vừa góp phần làm rõ hơn đặc sắc nghệ thuật của dòng thơ đi sứ triều Nguyễn. Đồng thời, nghiên cứu một tập thơ văn đi sứ dưới góc độ nghệ thuật có ý nghĩa trong việc cung cấp tư liệu và giảng dạy thơ văn đi sứ và văn học trung đại ở trường phổ thông, đại học.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. *Chu Nguyên tạp vịnh thảo* và chuyến đi sứ cuối cùng đến Yên Kinh

Được sáng tác trong chuyến đi sứ cuối cùng của LVP tới Yên Kinh, Trung Quốc năm 1841, tác phẩm vừa là sự nối tiếp mạch thơ trên con đường đi sứ đến Yên Kinh (Bắc Kinh) của các sứ thần ta từ buổi đầu dựng nước vừa có tính chất kết thúc sự nghiệp thơ ca sứ trình của LVP. Đây là chuyến đi tương đối đặc biệt với LVP. Địa điểm tới là Yên Kinh với tác giả như đã là “duyên tiền định”. Chuyến đi ông nhận được nhiều ân sủng và kỳ vọng, khác với những lần đi hiệu lực, công cán, đi lập công chuộc tội trước đây. Tuy sáng

tác nhiều thể loại khác nhau nhưng đối với LVP thơ là nơi ông trút bầu tâm sự, thể hiện rõ nhất tài năng và bút lực văn chương.

2.2. Đặc sắc nghệ thuật trong *Chu Nguyên tạp vịnh thảo*

2.2.1. Thể thơ

178 bài trong tập gồm nhiều thể loại. Trong đó nhiều nhất là thất ngôn bát cú với 128 bài, chiếm 71,9%. Tiếp theo là thất ngôn tuyệt cú với 29 bài chiếm 16,3%; ngũ ngôn bát cú với 12 bài chiếm 6,7%; còn lại là 2 bài tự và các thể hành, ca, trường thiên đều xuất hiện 01 bài. Thơ bát cú và tuyệt cú ở đây được sáng tác chủ yếu theo cách luật cận thể. Nhiều tác phẩm thuộc thể bài luật kết tinh nét độc đáo của thơ đi sứ. Thể tuyệt cú nổi bật với vẻ đẹp đặc sắc của thiên nhiên và “khoảng trống ngữ nghĩa”. Các thể trường luật, hành, ca mang thể mạnh chiếm lĩnh thiên nhiên và bộc lộ diễn biến cảm xúc suy tưởng. “Thơ luật là kết quả của cái nhìn cân đối, chặt chẽ, nghiêm trang mực thước với cuộc đời”. Có lẽ vì thế mà 178 bài thơ có đến 136 bài thơ làm theo luật thi. Ngoài ra, tứ tuyệt vốn được xem là thể thơ ngắn gọn, mở ra những khoảng trống ngữ nghĩa để người đọc suy tưởng. Trong tập thơ văn này, tuyệt cú có 29 bài, có những bài rất đẹp.

Hình ảnh suối Hương Thủy qua bốn câu tuyệt cú mang âm hưởng của bài thơ *Vọng Lư Sơn bộc bố* của Lý Bạch. Đề là đại cảnh kỳ cảnh, núi Lư Sơn đem đến cho người đọc ấn tượng về thị giác thì Hương Thủy là ấn tượng về âm thanh, tất cả đều đẹp dữ

đội và mạnh mẽ. Hai câu thơ sau của LVP cảm xúc hướng đến con người.

一條飛瀑從天落	Một lụa tuôn từ trên trời
萬馬喧雷震地聲	Âm thanh chấn động như vạn ngựa hò reo
人立水邊頭欲白	Người đứng bên nước đầu muốn bạc
客來山徑眼誰青	Khách đến đường núi mắt ai xanh?

(*Qua suối Hương Thủy*)

Bài thơ mở đầu bằng một hình ảnh thiên nhiên kì vĩ, và kết thúc bằng câu hỏi hướng đến con người. Bài thơ ngắn nhưng đã giúp người đọc trải nghiệm về suối nước Hương Thủy với đủ âm thanh, màu sắc, hình ảnh, sự vận động dữ dội. Nhưng họa thiên nhiên kì vĩ là để hướng đến con người. Trong bức tranh ấy, thiên nhiên càng hùng vĩ dữ dội thì con người càng mong manh nhỏ bé. Con người càng nhỏ bé thì nỗi niềm nuối tiếc trước sự hữu hạn yếu đuối của con người càng lớn. Kết thúc bài thơ bằng một câu hỏi vừa bộc lộ sự băn khoăn của tác giả, vừa gieo vào lòng người đọc sự trăn trở trước sự hữu hạn của đời người.

半仙岩古又通天	Núi Bán Tiên xưa cũng thông lên trời
客思影影半欲仙	Nỗi lòng của khách bỗng bồng bênh nửa muốn thành tiên.
深處分明留月住	Nơi thâm sâu rõ ràng lưu bóng nguyệt,
遙知通到日南邊	Xa tí tí biết là thông đến tận Nhật Nam.

(*Làm thơ về núi Thông Thiên*)

Đọc qua bài thơ dường như vịnh cảnh đơn thuần, nhưng thực ra không phải. Mở đầu là không gian rộng lớn, kì vĩ của núi Thông Thiên kết thúc bài thơ là ước vọng hướng về quê nhà quê trời Nam. Nói đến thiên nhiên nhưng là để gửi gắm tâm tư nơi thâm sâu của tác giả “*Tâm tư của khách muốn thành tiên phiêu diêu*”. Ngắn nhất trong các thể loại thơ ca chữ Hán, tuyệt cú đòi hỏi sự tinh luyện trong bút lực để biểu đạt thế giới tự nhiên và đời sống con người. Trong tác phẩm này, LVP đã viết không ít những bài tuyệt cú đặc sắc.

Thêm nữa, những thể loại khác cũng được tác giả vận dụng rất khéo thể hiện tình cảm, tâm sự của mình. Ví dụ như thể hành mang thể mạnh về chiếm lĩnh thiên nhiên và bộc lộ cảm xúc. Trong tập thơ văn này chỉ có một bài hành duy nhất nhưng lại chất chứa vô cùng nhiều tình cảm và tâm sự nhớ nhà của tác giả:

...南風本自南山來	...Gió nam vốn từ núi nam đến
何處聲聲叫格磔?	Tiếng kêu xé lòng ở nơi nào?
依約鷓鴣聲戀別	Như tiếng chim ngói ước hẹn lưu luyến khi từ biệt
鷓鴣亦是南山鳥	Chim ngói cũng là loài chim ở núi nam
...風聲嘈雜鳥聲多	...Tiếng gió rầm rĩ lẫn vào tiếng chim
鳥語風前不當歌	Tiếng chim trước gió không thoi ca hát
離客誰無鄉國夢...	Ly khách ai không mơ về nước nhà,...

(*Bài hành khi nghe tiếng chim*)

Trở đi trở lại trong bài là những câu hỏi kì quái, “hà xứ”, “như hà” và hình ảnh về quê hương “Nam phong”, “Nam sơn”, “Nam nhân”. Cả bài hành là không gian sông nước, thời gian trời chiều. Khung cảnh buồn khiến lòng người càng thêm nhớ quê hương, bất kì âm thanh, hình ảnh nào cũng gợi nhắc tới nước Nam: Tiếng chim ngói lên gợi những hình ảnh về quê nhà trong phút giây tiễn biệt, gió vù vù cũng là gió thổi tới từ núi nam mang theo phong vị quê nhà. Mạch cảm xúc càng lúc càng mãnh liệt, tăng dần theo nỗi nhớ nhà. Cho tới khi tiếng gió rền rĩ cùng tiếng chim hòa vào nhau không dứt thì cảm xúc không thể kìm nén mà thoát thành câu hỏi “Trong lòng li khách ai không mơ về nhà?” và bộc bạch tình cảm một cách chân thành “Người Nam trên đường đi lên phương bắc ai không nhớ nhà”.

2.2.2. Ngôn từ

Trong bài tựa, LVP tự nhận rằng ông không làm thơ, không gọt giũa ngôn từ “*mỗi lúc nhàn công việc, ý đến, tiếp xúc cảnh vật đều lấy đó ngâm vịnh lưu giữ lại thành tập, không có gọt giũa cầu kì*”, và “*không phải làm thơ*”. Ngôn từ trong thơ văn ông giản dị nhưng giàu sức biểu cảm khi diễn tả tâm trạng con người và khắc họa vẻ đẹp thiên nhiên. Tính biểu cảm của ngôn từ trong tác phẩm này thể hiện rõ nét nhất ở hệ thống từ song thanh, điệp vận, điệp âm. Ở đây chúng tôi sử dụng khái niệm song thanh để chỉ hai từ cùng phụ âm đầu, điệp vận để chỉ hai từ cùng vần, điệp âm để chỉ hai từ có âm tiết giống nhau.

Đồng thời, tác giả đã thành công với hệ thống từ song thanh, điệp vận, điệp âm. Tiêu biểu nhất là sức biểu cảm của từ điệp âm. Hình ảnh cỏ cây mềm mại, phát phơ hiện lên qua sức gợi của các từ 依依, bóng tà dương mềm mại thướt tha 隐隐, địa hình núi trùng điệp, sông nước gập ghềnh hiểm trở 曲曲:

旧辰春色故依依	Thời gian đã qua mà sắc xuân rực rỡ như trước
	(<i>Từ biệt các em</i>)
斜陽隱隱露淒淒	Tà dương thấp thoáng sương thướt tha.
	(<i>Ngồi một mình trong thuyền</i>)
疊嶂層崖曲曲通	Núi non trùng điệp, lớp lớp chồng nhau,
	(<i>Ngó Châu văn húng</i>)
江流曲曲短長情	Tình lóng lóng như nước sông đoạn ngắn dài
	(<i>Thư trình trưởng tống quan</i>)

Từ điệp vận còn được phát huy triệt để trong việc thể hiện tâm trạng con người, như:

悠悠行路昔人難	Đường đi dang dặc xưa người khó đi
	(<i>Qua Ngũ Hiểm Than</i>)

萬里帆來弔弔陽 Vạn dặm buồm (từ xa) tới viêng.
(*Trường Sa hoài cổ*)

Như vậy, tính biểu cảm của ngôn từ nghệ thuật trong tập thơ thể hiện rõ nét ở hệ thống từ song thanh, điệp vận, điệp âm. Ngôn từ nghệ thuật này phát huy thể mạnh khắc họa hình khối, mô phỏng âm thanh, gợi cảm giác, cảm xúc, tâm trạng và tạo tính nhạc cho thơ.

2.2.3. Điển cố

Trong *Việt Nam văn học sử yếu*, Dương Quảng Hàm viết: “Điển (nghĩa đen là việc cũ) là một chữ hoặc một câu có ám chỉ đến sự việc cũ, một tích xưa khiến người đọc phải nhớ đến việc ấy, mới hiểu được ý nghĩa và cái lí thú của câu văn”. Dùng điển được gọi là *dụng điển* hoặc *sử sự* (nghĩa đen là khiến việc, ý nói là sai khiến việc người xưa để nó có thể ứng dụng vào bài văn của mình). Phương thức nghệ thuật này xuất phát từ tinh thần chuộng cổ kiêu thuật lại chứ không sáng tạo, tin tưởng và ưa chuộng cái cũ và đặc trưng thi ca đề cao tính điển nhã, hạn định về câu chữ. Đây còn là một tiêu chí khẳng định sự điều luyện và đẳng cấp trong sáng tạo nghệ thuật.

满天星斗落洋湘	Sao sáng đầy trời rơi bóng Tương Dương,
似有寒芒閃閃光	Tựa có tia lạnh loang loáng sáng.
楚客忠魂招不醒	Hồn trung khách nước Sở gọi không tỉnh,
賈君辭賦死猶傷	Ông Giã làm bài viêng, chết vẫn thương đau.
千秋韻聽流水	Ngàn thu phong nhã, ôi còn nghe trong tiếng nước chảy,
萬里帆來弔弔陽	Vạn dặm buồm (từ xa) tới xót thương viêng.
自信逢辰無砲轟	Tin rằng gặp thời sẽ không phải chịu gian nan,
遙憐舊事一飛鯨	Nhớ thương chuyện cũ, thoảng qua nhanh như nâng chén rượu.

(*Trường Sa hoài cổ*)

LVP đi qua Trường Sa, nhớ và làm thơ về Khuất Nguyên. Thuật lại chuyện cũ, tác giả dẫn điển *Giã Quân* trong câu “*Giã Quân từ phú tử do thương/ Chàng họ Giã làm phú tử (viêng), chết còn đau.*” Giã Quân tức Giã Nghị (200 - 168, TCN), ông giỏi từ phú nghị luận, làm tới Thái Trung Đại Phu đời Tây Hán, chủ trương cải cách, bị đám quý tộc bài xích, bị biếm làm Thái phó Trường Sa Vương. Bất đắc chí chết năm 33 tuổi. Khi qua sông Tương, Giã Nghị làm bài phú viêng Khuất Nguyên 屈原 để giải bày tâm sự mình. Nhắc đến Giã Quân, Lý Văn Phức nói đến những người tài năng, đức độ mà bị bài xích li gián đến bất đắc chí mà chết. Đó là nỗi trăn trở không nguôi của tác giả về “hồn trung” về “thời vận”. Hay trong bài *Xích Bích hoài cổ*, câu thơ “*Nhất dạ dĩ hoàn Công Cẩn hỏa/ Một đêm quân Chu Du đã phóng lửa hết*” Chu Du, tên tự Công Cẩn, là danh tướng và khai quốc công

thần của nước Đông Ngô thời Tam Quốc trong lịch sử Trung Quốc. Trần Xích Bích, Quân Tào đóng ở bờ bắc sông Xích Bích, quân Ngô đóng ở bờ nam. Quân của Chu Du ít hơn nhiều, nhưng lại chiếm ưu thế về thủy chiến, Tào Tháo đóng trại ở bờ bắc để huấn luyện quân, dùng xích sắt nối thuyền lớn lại theo lối của kỵ binh liên hoàn mã, gọi đó là “Liên hoàn thuyền”. Vào một đêm có gió đông nam, quân Ngô dùng hỏa công đánh trại của Tào Tháo. Các thuyền chiến quân Tào bị khóa không chạy tản ra được, đều bị thiêu. Quân Tào thua to bỏ chạy. Chuyện dùng hỏa lực, lợi dụng gió đông nam tấn công quân Tào đã làm nên chiến thắng nổi tiếng trong lịch sử, ghi tên tuổi *Chu Du* thành những tướng tài của Trung Quốc. Bằng dụng điển Chu Du phóng lửa, câu thơ đã dựng lại không khí, khung cảnh lịch sử của địa danh Xích Bích.

3. Kết luận

Về nghệ thuật, bài báo đã tiến hành nghiên cứu trên 3 phương diện nghệ thuật của tập *Chu Nguyên tạp vịnh thảo: thể thơ, ngôn từ và điển cố*. Nhìn chung, thể loại phong phú, sử dụng nhiều nhất là luật thi và tuyệt cú. Luật thi chặt chẽ nghiêm trang nhiều bài kết tinh thành tựu đặc sắc của thơ đi sứ; tuyệt cú phản ánh vẻ đẹp nổi bật của thiên nhiên và những “khoảng trống ngữ nghĩa”. Sử dụng với tần xuất cao từ song thanh, điệp vận, điệp âm trong thơ; LVP đã làm tăng giá trị biểu cảm của ngôn từ trong việc thể hiện dáng vẻ, thần thái, tâm trạng của thiên nhiên và con người, đồng thời tạo tính nhạc cho thơ ca. Việc dùng điển cố làm các bài thơ gắn liền với địa danh lịch sử, nhân vật lịch sử, tăng tính hàm súc và uyên bác. Đặt trong hệ thống thơ văn đi sứ của LVP, *Chu Nguyên tạp vịnh thảo* là tác phẩm thơ văn ít mang tính chất nhật trình, kí sự, mang đậm nét đặc điểm và diện mạo tác phẩm văn chương. Xét trên cả phương diện lịch sử và văn chương, tác phẩm này đã cho thấy vai trò quan trọng trong việc hoàn chỉnh diện mạo thơ văn đi sứ của LVP nói riêng và nhà Nguyễn nói chung.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Thanh Chung (2008), “*Thiên nhiên trong thơ đi sứ của Nguyễn Huy Oánh và Nguyễn Văn Siêu*”, Kì yếu Hội thảo khoa học về danh nhân văn hóa Nguyễn Huy Oánh, Lại Văn Hùng. Hà Tĩnh
2. Dương Quảng Hàm (1951), *Hợp tuyển thi văn Việt Nam*, Bộ Quốc gia - Giáo dục xuất bản. Hà Nội
3. Nguyễn Đăng Na (2005), *Con đường giải mã văn học trung đại*, NXBGD. Hà Nội
4. Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức (2006), *Thơ ca Việt Nam hình thức và thể loại*, NXBĐHQG Hà Nội